TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2018/DSST
Ngày: 18-7-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông ***Trương Hoàng Chân***

Hội thẩm nhân dân:

1. *Ông* ***Mai Văn Bé Em***

2. *Bà* ***Lê Thị Mỹ***

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh –** *Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá.*

Trong ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2018/TLST-DS ngày 06/3/2018 về:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐST-DS ngày 11/6/2018, giữa:

1. Nguyên đơn: - Bà **Trần Thị T (tên gọi khác là H),** sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 1052 đường C, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: - Bà **Đoàn Thị Y, sinh năm 1960** (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 46-47 đường L, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh Đ (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 46-47 đường L, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày***: Bà T có cho bà Y, ông Đ vay nhiều lần với tổng số tiền là 689.900.000 đồng. Đến ngày 24/10/2017 bà T và vợ chồng bà Y, ông Đ có làm biên nhận chốt số tiền nợ mà vợ chồng bà Y, ông Đ còn thiếu là 689.900.000 đồng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà Y, ông Đ trả số tiền trên nhưng vợ chồng bà Y chỉ hứa chứ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay tại phiên tòa hôm nay, bà T yêu cầu bà Y và ông Đ phải trả tổng số tiền nợ là 689.900.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 24/10/2017 cho đến ngày xét xử xong vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đoàn Thị Y vắng mặt không lý do, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai nhưng bà Y vẫn cố tình vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh Đ vắng mặt không lý do, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai nhưng bà Y vẫn cố tình vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – Bà Trần Thị T yêu cầu bị đơn – Bà Đoàn Thị Y và ông Trần Văn Đ thanh toán số tiền nợ vay đã vi phạm nghĩa vụ là 689.900.000 đồng (Sáu trăm tám mươi chín ngàn chín trăm đồng). Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Trần Thị T với bà Đoàn Thị Y là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Các đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại số Số 46-47 đường Lê Phụng Hiểu, phường Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Sự vắng mặt của bị đơn: Từ thời gian thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử vụ án bị đơn bà Đoàn Thị Y và ông Trần Văn Đ vắng mặt không có lý do mặc dù đã niêm yết công khai các thủ tục tố tụng của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn – bà Trần Thị T yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bị đơn - bà Đoàn Thị Y và ông Trần Văn Đ.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, kèm theo tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án là giấy mượn tiền lập ngày ngày 24/10/2017 thể hiện những nội dung chính sau: Bà Đoàn Thị Y và ông Trần Thanh Đ có nợ của bà Trần Thị T số tiền 689.900.000 đồng. Xét thấy, những tình tiết, sự việc về thỏa thuận vay tiền mà nguyên đơn cung cấp và phía bị đơn có ký xác nhận nợ nhưng bà Y, ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử nhận thấy rằng nguyên đơn đã chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình đối với biên nhận ngày 24/10/2017 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bị đơn có vay của nguyên đơn với số tiền 689.900.000 đồng và lãi suất theo quy định tính từ ngày 24/10/2017 cho đến ngày xét xử xong vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 471, 474, 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ vào biên nhận nợ ngày ngày 24/10/2017 hai bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản, bà Y và ông Đ đã nhận đủ số tiền 689.900.000

đồng *(Sáu trăm tám mươi chín triệu chín trăm ngàn đồng)* và vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì bà Y và ông Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là phù hợp quy định pháp luật.

Theo Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam thì lãi suất: 9,0%/năm, áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 lãi suất được tính là: 1,125%/tháng.

Lãi suất tính từ ngày 24/10/2017 đến ngày xét xử 18/7/2018 như sau:

Đối với số tiền: 689.900.000 đồng tính từ ngày 24/10/2017 đến ngày xét xử 18/7/2018 là 689.900.000 đồng x 1.125%/tháng x 08 tháng 6 ngày = 63.643.275 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Trần Thị T, buộc bị đơn – Bà Đoàn Thị Y và ông Trần Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn – Bà Trần Thị T số tiền vốn gốc 689.900.000 đồng và lãi suất là 63.643.275 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 753.543.275 đồng.

[2] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH124 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị đơn – Bà Đoàn Thị Y và ông Trần Thanh Đ phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền là 753.543.275 đồng: [20.000.000 đồng + (353.543.275 đồng x 4%)] = 34.141.731 đồng.

- Do yêu cầu của bà Trần Thị T được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí. Bà T đã tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm 15.408.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003875, ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên bà T được hoàn trả lại số tiền 15.408.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471; Điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Trần Thị T về

việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với bị đơn – Bà Đoàn Thị Y.

2. Buộc bị đơn – Bà Đoàn Thị Y và ông Trần Thanh Đ có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn – Bà Trần Thị T số tiền vốn gốc 689.900.000 đồng và lãi suất là 63.643.275 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi là 753.543.275 đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị đơn – Bà Đoàn Thị Y và ông Trần Thanh Đ phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền là 753.543.275 đồng: [20.000.000 đồng + (353.543.275 đồng x 4%)] = 34.141.731 đồng.

Bà T được nhận lại số tiền đã tạm nộp án phí dân sự sơ thẩm 15.408.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003875, ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên bà T được hoàn trả lại số tiền 15.408.000 đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bà Y, ông Đ vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Hoàng Chân